Mô đun xử lí
HSP-25-AP-SD-WL

Số bộ phận: 533618

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	25
Vị trí chờ hành trình Z tối đa	25 mm
Hành trình Y	130 mm...170 mm
Hành trình Z	50 mm...70 mm
Hành trình làm việc Z	25 mm
Đệm	Bộ giảm chấn hai bên đường đặc tính mềm
Vị trí lắp đặt	Ray dẫn hướng dọc
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Cấu trúc xây dựng	Dẫn hướng chéo Mô-đun xoay Vị trí chờ tùy chọn ở bên trái chuỗi chuyển động cưỡng bức
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng	Dẫn hướng chéo
Áp suất vận hành	4 bar...8 bar
Thời gian chu kỳ tối thiểu	1 s
Độ chính xác lặp lại	±,02 mm
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...60 °C
Động Mx thời điểm tối đa	3.2 N m
Thời điểm tối đa Mx tĩnh	15 N m
Mô-men tối đa My động	3.2 N m
Thời điểm tối đa của tôi tĩnh	15 N m
Mô-men tối đa Mz động	3.2 N m
Mô-men tối đa Mz tĩnh	15 N m
Tải trọng tối đa	1.5 kg
Lực lý thuyết ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	65 N
trọng lượng sản phẩm	7600 g
Gắn chặt đơn vị phía trước	với lỗ xuyên

Đặc tính	Giá trị
Kiểu gắn	với lỗ xuyên với đai ốc trượt
Cổng nối khí nén vị trí chờ	M5
Cổng nối khí nén	M5
Vật liệu tấm cơ sở	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu thanh dẫn hướng chéo	Thép tôi luyện
Vật liệu phụ	Hợp kim nhôm rèn